

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thom.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2023/TB-TA ngày 28/3/2023 và số 04/2023/TB-TA ngày 19/4/2023; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 05/2023/TB-TA ngày 08/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A N, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1976.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A N, khu B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị D1, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số A N, khu B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh D, bà D1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Đào Thị T trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Bùi Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội vào ngày 01/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Hà Nội, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh D đã chuyển về thành phố H sinh sống. Đến 11/2017, anh D sang Hàn Quốc làm việc từ khi đi đó đến nay chưa về nước. Chị và anh D đã ly thân, mỗi người có một cuộc sống riêng, thời gian gần đây đã không còn liên lạc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D, hôn nhân không thể níu kéo, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Duy T1, sinh ngày 13/11/2005 và Bùi Khánh L, sinh ngày 17/9/2007, cả hai cháu hiện đang ở cùng với bố mẹ anh D. Qua bố mẹ anh D chị được biết anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình và gửi tiền về để ông bà chăm sóc hai cháu. Sau khi ly hôn anh D có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con T1, L. Cháu Tùng và cháu Ly có nguyện vọng được ở với anh D nên chị đồng ý để anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, cháu L đến khi trưởng thành. Anh D tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh, chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Hàn Quốc nên Tòa án đã xác minh qua gia đình anh D, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh D. Bà Đào Thị D1 là mẹ đẻ anh D trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T như chị Trang trình bày là đúng. Hiện nay, anh D đang làm việc tại Hàn Quốc, sau khi nhận được thông báo thụ lý và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo cho anh D biết về việc chị T có đơn xin ly hôn với anh và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Quan điểm của anh D nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết để anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Bùi Duy T1, sinh ngày 13/11/2005 và Bùi Khánh L, sinh ngày 17/9/2007 đến khi trưởng thành, anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Dương đang ở Hàn Quốc nên nhờ gia đình bà trông nom, nuôi dưỡng cháu T1 và cháu L cho đến khi anh về nước, bà nhất trí; Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Anh D xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa, các văn bản Tòa án gửi cho anh D đề nghị gửi cho bà và bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh D.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh D vắng mặt không lý do; bà D1 có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Bùi Văn D; Giao anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Duy T1, sinh ngày 13/11/2005 và Bùi Khánh L, sinh ngày 17/9/2007 cho đến khi con trưởng thành. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh D. Bà Đào Thị D1 có trách nhiệm trông nom chăm sóc cháu Bùi Duy T1 và cháu Bùi Khánh L cho đến khi anh D về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đào Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải D giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Bùi Văn D. Trước khi sang Hàn Quốc sinh sống và lao động anh D cư trú tại thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh D tại Hàn Quốc. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC- PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải D đã yêu cầu chị T và gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng chị

T và gia đình anh D đều không cung cấp được. Gia đình anh D xác định anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, được thông báo về việc chị T có đơn xin ly hôn, anh D không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải D tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do, bà D1 có đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh D, bà D1.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội vào ngày 01/12/2004. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh D chuyển về thành phố H để sinh sống và làm thủ tục sang Hàn Quốc lao động. Tháng 11/2017, anh D sang Hàn Quốc lao động, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Thông qua gia đình anh Dương có quan điểm nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị T. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Trang và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh D có 02 con chung là Bùi Duy T1, sinh ngày 13/11/2005 và Bùi Khánh L, sinh ngày 17/9/2007, hiện hai cháu đang ở cùng gia đình nhà anh D. Khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Cháu T1, cháu L hiện đang ở cùng gia đình nhà anh D và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố, chị T đồng ý với nguyện vọng của hai cháu và quan điểm của anh D. Xét hai bên đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: giao con chung là Bùi Duy T1, sinh ngày 13/11/2005 và Bùi Khánh L, sinh ngày 17/9/2007 cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh D hiện chưa về nước có đề nghị bà D1 chăm sóc con cho đến khi anh D về nước, bà Dinh nhất trí. Do vậy, giao cháu T1, cháu L cho bà Đào Thị D1 (mẹ đẻ anh D)

chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh D về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Duy T1, sinh ngày 13/11/2005 và Bùi Khánh L, sinh ngày 17/9/2007 đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh.

Tạm giao cháu Bùi Duy T1 và cháu Bùi Khánh L cho bà Đào Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh D không ở Việt Nam.

Chị Đào Thị T được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

AA/2021/0003915 ngày 15/02/2023 (chị T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, bà D1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Phúc Tân,
quận Hoàng Kiếm, TP. Hà Nội
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, THC,
TGD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

